TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 01 - 2022
V/v: Chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh Nguyễn Như T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiển.

Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV N Hà Nội. (vắng mặt có lý do)

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Như T**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do. (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày***:

Năm 2012, chị và anh Nguyễn Như T qua thời gian tìm hiểu, yêu đương, chị đã có thai và sau khi sinh con Nguyễn Minh Ng, ngày 14 tháng 3 năm 2013 chị và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau kết hôn, anh chị sống tại nhà bố mẹ đẻ chị tại Hà Nội. Cuộc sống chung giữa anh chị hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, anh T muốn chị về Thái Bình ở, chị không đồng ý mà muốn anh T ở tại Hà Nội. Từ đó anh chị liên tục xảy ra cãi vã, cuộc sống chung khiến cả hai đều cảm thấy chán nản, mệt mỏi. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2015 đến nay anh T về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở huyện V, tỉnh Thái Bình, chị sống tại nhà bố mẹ đẻ ở huyện T, thành phố Hà Nội, anh chị sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, không hỏi han, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, do đó, chị xin ly hôn anh T để chị ổn định cuộc sống. Việc ly hôn chị đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Chị và anh Nguyễn Như T có một con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2013, đang ở cùng chị. Ly hôn, để con ổn định cuộc sống, ổn định việc học tập, mặt khác, con là con gái, rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, do đó, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Ng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con chung cùng chị. Việc chị nuôi con còn có sự quan tâm, hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần của gia đình chị.

Chị và anh Nguyễn Như T không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Do chị ở xa, việc đi lại khó khăn, chị đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Chị tự nguyện chịu cả 300.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**** Tại bản tự khai, các đơn đề nghị đều đề ngày 05 tháng 01 năm 2022, bị đơn anh Nguyễn Như T trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị N yêu nhau và chung sống với nhau, sau khi chị N có thai và sau khi sinh con Nguyễn Minh Ng, anh và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013 tại UBND xã K, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do chị N là người sống vô tâm, vô trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc chồng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không tìm được tiếng nói chung. Từ cuối năm 2015 đến nay anh và chị N sống ly thân, anh sống tại xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình, chị N sống tại xã K, huyện T, thành phố Hà Nội. Nay chị N xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh và chị Nguyễn Thị N có một con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2013, hiện đang ở cùng chị N. Ly hôn, anh đồng ý giao con Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Công việc của anh hiện tại không ổn định, anh chưa có điều kiện cấp dưỡng cho con, chị N không yêu cầu anh phải cấp dưỡng cho con Ng, anh đồng ý.

Anh và chị Nguyễn Thị N không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Do công việc của anh bận, không thể thu xếp đến Tòa án được, anh đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải, xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

**** Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đề ngày 24 tháng 12 năm 2021, cháu Nguyễn Minh Ng trình bày:***

Bố đẻ cháu là Nguyễn Như T. Mẹ đẻ cháu là Nguyễn Thị N. Hiện cháu đang ở với mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 05 tháng 01 năm 2022 đại diện UBND xã B và đại diện Công an xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Anh Nguyễn Như T hiện đang cư trú tại thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh T và vợ là chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau kết hôn anh chị sinh sống tại Hà Nội. Từ cuối năm 2015 đến nay anh T về sống tại nhà bố mẹ đẻ và làm ăn ổn định tại địa phương. Anh T,

chị N có một con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh năm 2003, đang ở cùng chị N. Nay chị N xin ly hôn anh T, về hôn nhân và về con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị không có nợ chung tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn, bị đơn đều đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho chị N được ly hôn anh T. Giao con Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Không đặt ra giải quyết về tài sản. Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Như T, anh T có nơi cư trú tại thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Như T đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo trình tự vắng mặt anh T và tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị N, anh T theo quy định

tại khoản 4 Điều 207, các Điều 208, 209, 210, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Như T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã K, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2013, ngày 14 tháng 3 năm 2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính, theo chị N là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, anh T muốn chị về Thái Bình ở nhưng chị không chấp nhận, chị muốn làm ăn, sinh sống tại Hà Nội; theo anh T, chị N là người sống vô tâm, vô trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã không có những biện pháp giải quyết dứt điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã chấm dứt mọi liên lạc, sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy, tại Tòa án, anh chị đều xác định tình cảm không còn, chị N xin ly hôn, anh T đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, như vậy, mâu thuẫn giữa anh chị là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử cho ly hôn giữa chị N và anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Như T có một con chung là Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2013. Xét thấy, con Ng hiện đang ở cùng chị N cuộc sống ổn định, con Ng là con gái, đang độ tuổi trưởng thành, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của chị N, anh T, giao con Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, xét việc chị N không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Ng là tự nguyện, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Như T không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, anh chị không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Như T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Như T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2013. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Như T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Minh Ng cùng chị.

2.2. Anh Nguyễn Như T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Như T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0000959 đề ngày 08 tháng 11 năm 2021 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Như T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã K, huyện T, thành phố Hà Nội (Giấy CNKH số 22, quyển số 01/2013, ngày 14 tháng 3 năm 2013);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương